

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN  
TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN PHONG THỔ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất (ha)	Diện tích (ha)	Loại đất		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Lán Nhi Thăng	Xã Lán Nhi Thăng	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,08ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,12ha	0.12	Theo hiện trạng	0.20	Đất an ninh (CAN)	Công văn số 5161/CAT-PH10 ngày 03/11/2021 của Công an tỉnh về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Điều chỉnh, bổ sung diện tích và thay đổi vị trí ranh giới
2	Trụ sở làm việc Công an xã Si Lở Lầu	Xã Si Lở Lầu	Đất rừng phòng hộ (PRH) 0,2ha	0.13	Theo hiện trạng	0.20	Đất an ninh (CAN)	Công văn số 5161/CAT-PH10 ngày 03/11/2021 của Công an tỉnh về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Điều chỉnh, bổ sung diện tích và thay đổi vị trí ranh giới
3	Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai)	Xã Sin Suối Hồ	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,85ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,39ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 12,45ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,71ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,17ha; đất rừng phòng hộ (PRH) 1,9ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,5ha; đất giao thông (DGT) 9,8ha; đất thủy lợi (DTL) 0,48ha; đất sông suối (SON) 1,02ha; đất công trình năng lượng (DNL) 0,18ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,04ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,45ha	58.12	Đất giao thông (DGT)	32.95	Đất giao thông (DGT), phần diện tích không quy hoạch đất giao thông được sử dụng theo hiện trạng	- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh đã chấp thuận chuyển mục đích 1,8 ha đất trồng lúa; 19,02 ha đất rừng phòng hộ. - Bản vẽ thi công được phê duyệt tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh và Quyết định số 149/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2021 của Ban QLDA các CTGT	Điều chỉnh giảm diện tích và thay đổi vị trí, ranh giới thực hiện dự án
4	Thủy điện Chàng Phàng	Xã Sin Suối Hồ	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,9ha; đất rừng phòng hộ (PRH) 3,5ha; đất sông suối (SON) 0,35ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 3,85ha	25.10	Đất công trình năng lượng (DNL)	8.60	Đất công trình năng lượng (DNL), phần diện tích không quy hoạch đất công trình năng lượng được sử dụng theo hiện trạng	- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; Công văn số 436/HĐND-VP ngày 05/11/2019 của HĐND tỉnh đã chấp thuận chuyển mục đích 1,3 ha đất trồng lúa; 11,9 ha đất rừng phòng hộ. - Bản trích đo địa chính do Công ty CP ứng dụng Công nghệ TN&MT thực hiện tháng 7/2021, được Sở TN&MT duyệt ngày 24/8/2021	Điều chỉnh giảm diện tích và ranh giới thực hiện dự án
5	Đường dây 110kV TĐ Tà Páo Hồ - TĐ Vàng Ma Chải 2	Xã Vàng Ma Chải	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,07 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,03 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,04 ha		Theo hiện trạng	0.14	Đất công trình năng lượng (DNL)	Công văn số 6289/BCT-ĐL ngày 11/10/2021 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh phương án đầu nối thủy điện Tà Páo Hồ và bổ sung phương án đầu nối các thủy điện Tà Páo Hồ 1A, Tà Páo Hồ 1B, Tà Páo Hồ 2, Pa Vây Sừ, Nùng Than 1, Nùng Than 2, Phai Cát vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lai Châu	Điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Phong Thổ

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Cơ sở pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất (ha)	Diện tích (ha)	Loại đất		
6	Mỏ đá vôi độ lô mít Bàn Lang	Xã Bàn Lang	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,00 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 30,0 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 4,54 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 5,0 ha; đất rừng phòng hộ (PRH) 0,65ha; đất giao thông (DGT) 0,01ha; đất thủy lợi (DTL) 0,04 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 5,00 ha	53,47	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKC); đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) và đất chưa sử dụng	47,24	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKC)	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 08/2022/VGLC-PLM ngày 10/3/2022 của Công ty TNHH MTV Vũ Gia Lai Châu về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án	Điều chỉnh giảm diện tích và điều chỉnh vị trí ranh giới thực hiện dự án

